TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **200**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quang Minh
2. Bà Nguyễn Thị Loan

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 291/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Bích C, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Lê Tấn T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19-5-2017 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Bích C trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Bích C và anh Lê Tấn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 23-10-2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau dẫn đến vợ chồng ly thân từ tháng 02 năm 2015 cho đến nay. Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung, tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Lê Tấn T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị C và anh T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 23-10-2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Tại phiên tòa, chị C xác định vợ chồng đã ly thân từ tháng 02 năm 2015 cho đến nay và trong khoảng thời gian ly thân thì anh T cũng không có thiện chí đoàn tụ với chị. Hiện nay, chị C xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với anh T. Đồng thời, chị C khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án cần chấp nhận yêu cầu của chị C được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị C xác định không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đặt ra xem xét trong vụ án.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị C phải chịu 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Bích C được ly hôn với anh Lê Tấn T.

2. Về nuôi con chung, về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Án phí sơ thẩm: Chị Lê Bích C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng, ngày 19 tháng 5 năm 2017 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0006968 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lê Bích C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Tấn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Minh Út